

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
Số: 390/TB- PGDDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Uông Bí, ngày 26 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt / Thẩm định quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

Đơn vị được thông báo: Trường Tiểu học Kim Đồng
Mã chương: 622

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024 của Trường Tiểu học Kim Đồng và biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngày 24/03/2025 giữa Phòng GDĐT và Trường Tiểu học Kim Đồng.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024 (không bao gồm Vốn đầu tư XD CB.) của Trường Tiểu học Kim Đồng như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu chi học phí

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng;	
- Dự toán được giao trong năm:	4.908.059.300 đồng, trong đó:	
+ Dự toán giao đầu năm:	4.134.600.000 đồng	
+ Dự toán tăng, giảm trong năm:	773.459.300 đồng	
- Kinh phí thực nhận trong năm	4.908.059.300 đồng	
- Kinh phí quyết toán trong	4.574.505.473 đồng;	
- Kinh phí thừa , giảm trong năm	333.553.827 đồng;	
- Huỷ tại kho bạc	333.553.827 đồng;	
+ Tiết kiệm chi 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP	40.140.000 đồng;	
+ Huỷ nguồn 12	293.413.827 đồng;	
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết	0	đồng
+ Kinh phí đã nhận:	0	đồng
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	0	đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ biểu 1c đính kèm)

c, Quyết toán các khoản thu năm 2023 (chi tiết theo biểu 4.1.2 đính kèm)

*.Tiền nước uống

Số dư năm trước chuyển	14.496.000	đồng
Tổng Số thu trong năm	19.204.000	đồng
Tổng chi trong năm	33.700.000	đồng
Số dư chuyển năm sau	-	đồng

***. Tiền chăm sóc bán trú (ăn + quản lý bán trú)**

Số dư năm trước chuyển	4.544.059	đồng
Tổng Số thu trong năm	251.171.000	đồng
Tổng chi trong năm	243.132.591	đồng
Số dư chuyển năm sau	12.582.468	đồng

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng;
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng;
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Tổng quyết toán chi từ nguồn NSNN 4.574.505.473đ/ 4.908.059.300đ dự toán được sử dụng trong năm 2024 đạt 93% so với số giao trong năm, kinh phí huỷ tại KBNN 333.553.827đ

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét chung

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập và gửi báo cáo lên đơn vị dự toán cấp trên theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Về sổ kế toán: Đơn vị mở sổ kế toán theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại đơn vị theo đúng quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

- Về chứng từ kế toán : Đơn vị đóng chứng từ theo tháng.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

+ Lập dự toán: Đơn vị lập và phân bổ dự toán theo đúng Quyết định của Phòng GDĐT giao.

+ Đơn vị thực hiện việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo quy định hiện hành; cuối năm đơn vị đã thực hiện kiểm kê đối chiếu sổ sách theo đúng quy định.

+ Chế độ thu, và quản lý sử dụng nguồn thu: Thực hiện thu các khoản thu theo kế hoạch đã xây dựng; các khoản thu, chi thực hiện qua ngân hàng không sử dụng tiền mặt; chi các khoản đúng theo quy định.

2. Nhận xét một số tồn tại :

*** Nguồn tự chủ ngân sách nhà nước**

- Một số hồ sơ chứng từ tổ chức hoạt động ngoại khoá thiếu kế hoạch tổ chức, thiếu cấp phát về bộ phận sử dụng

- Chứng từ sửa chữa thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng

- Hầu hết chứng từ ghi thiếu ngày tháng nhiều.

- Một số chứng từ chuyển tiền điện thiếu hoá đơn đỏ.

- Chứng từ mua phân: nhân viên VS không được nhận bàn giao; biên bản bàn giao bảo quản tên bên trên, bên dưới không khớp nhau.

- Chứng từ mua dụng cụ vệ sinh Thiếu văn bản đề nghị

- Chứng từ thanh toán khấu hiệu: Thiếu văn bản đề nghị; dự trù, đề nghị thanh toán, quyết định, người nhận có mỗi HT ký nhận.

*** Nguồn quỹ ngoài NSNN**

- Không có sổ sách; Thiếu hồ sơ chuyển lương bán trú T2, T9; Chuyển lương bán trú T1,2,3,3,5,10,11: thiếu uỷ nhiệm chi, bảng lương, đề nghị thanh toán; Chuyển tiền điện Tháng 6 không có uỷ nhiệm chi.

3. Kiến nghị:

- Căn cứ các tồn tại nêu trên đề nghị đơn vị hoàn thiện đủ hồ sơ chứng từ theo quy định.
- Đề nghị đơn vị tiếp tục cập nhật, nghiên cứu các chế độ chính sách, Thông tư, Nghị định mới để ngày càng hoàn thiện tốt hơn công tác quản lý thu chi của đơn vị mình.
- Sau khi có thông báo phê duyệt quyết toán đề nghị đơn vị thực hiện các bút toán kết chuyển theo đúng nội dung được phê duyệt.
- Đơn vị được chuyển số dư NSNN sang năm 2025 : **0 đồng**
- Đơn vị được chuyển số dư các quỹ khác theo thỏa thuận sang năm 2025 : **12.582.468 đồng**

Nơi nhận:

- Đơn vị được XD/TĐ quyết toán;
- Phòng TCKH Thành phố;
- Lưu: VT, kế toán.

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG**



Trần Nam Hải

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT THU, CHI CÁC KHOẢN THU NĂM 2024

(Kèm theo thông báo xét duyệt quyết toán năm 2024)

Trường Tiểu học Kim Đồng

Đơn vị: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	TỔNG SỐ		ĐƠN VỊ	
		Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện
A	B	1	2	3	4
01	CL thu lớn hơn chi chưa PP năm trước chuyển sang (*)	19.040.059	19.040.059	19.040.059	19.040.059
	Nước uống	14.496.000	14.496.000	14.496.000	14.496.000
	Chăm sóc bán trú (Ăn + QL bán trú)	4.544.059	4.544.059	4.544.059	4.544.059
02	Thu trong năm	270.375.000	270.375.000	270.375.000	270.375.000
	Nước uống	19.204.000	19.204.000	19.204.000	19.204.000
	Chăm sóc bán trú (Ăn + QL bán trú)	251.171.000	251.171.000	251.171.000	251.171.000
03	Chi trong năm	276.832.591	276.832.591	276.832.591	276.832.591
	Nước uống	33.700.000	33.700.000	33.700.000	33.700.000
	Chăm sóc bán trú (Ăn + QL bán trú)	243.132.591	243.132.591	243.132.591	243.132.591
04	CL thu lớn hơn chi (01+02-03) (*)	12.582.468	12.582.468	12.582.468	12.582.468
	Nước uống	-	-	-	-
	Chăm sóc bán trú (Ăn + QL bán trú)	12.582.468	12.582.468	12.582.468	12.582.468
05	Nộp ngân sách nhà nước	-		-	
06	Nộp cấp trên	-		-	
07	Bổ sung nguồn kinh phí	-		-	
08	Trích lập các quỹ	-		-	
09	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm (09=04-05-06-07-08) (*)	12.582.468	12.582.468	12.582.468	12.582.468
	Nước uống	-	-	-	-
	Chăm sóc bán trú (Ăn + QL bán trú)	12.582.468	12.582.468	12.582.468	12.582.468

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Thị Thúy Vinh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Nam Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Uông Bí, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN

Xét duyệt / Thẩm định quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

Đơn vị được xét duyệt/thẩm định: Trường Tiểu học Kim Đồng

Mã chương: 622

I. Thành phần xét duyệt/thẩm định:

1. Đại diện đơn vị được xét duyệt (hoặc thẩm định):

Bà: Dương Thị Hồng Luyến Chức vụ: Hiệu trưởng

Bà: Lương Thị Định Chức vụ: Kế toán

2. Đại diện cơ quan, đơn vị xét duyệt (hoặc thẩm định):

Ông: Trần Nam Hải Chức vụ: Trưởng phòng

Bà: Phạm Thị Thúy Vinh Chức vụ: Kế toán

II. Nội dung xét duyệt (hoặc thẩm định):

1. Phạm vi xét duyệt (hoặc thẩm định):

Quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024 (không bao gồm quyết toán vốn Đầu tư XD CB).

2. Số liệu quyết toán:

a) Quyết toán thu - chi học phí

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	đồng	
- Dự toán được giao trong năm:	4.908.059.300	đồng Trong đó
+ Dự toán giao đầu năm:	4.134.600.000	đồng
+ Dự toán bổ sung tăng giảm trong năm:	773.459.300	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	4.908.059.300	đồng
- Kinh phí quyết toán trong năm:	4.574.505.473	đồng
- Kinh phí thừa, giảm trong năm	333.553.827	đồng
- Huỷ tại kho bạc	333.553.827	đồng
+ Tiết kiệm chi 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP	40.140.000	đồng
+ Huỷ nguồn 12	293.413.827	đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:		0 đồng
+ Kinh phí đã nhận:		0 đồng
+ Dự toán còn dư ở kho bạc		0 đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ biểu 1c đính kèm)

c, Quyết toán các khoản thu năm 2024 (chi tiết theo biểu 3.1.2 đính kèm)

*.Tiền nước uống

Số dư năm trước chuyển sang	14.496.000	đồng
Tổng Số thu trong năm	19.204.000	đồng
Tổng chi trong năm	33.700.000	đồng
Số dư chuyển năm sau	-	đồng

***. Tiền chăm sóc bán trú (ăn + quản lý bán trú)**

Số dư năm trước chuyển	4.544.059	đồng
Tổng Số thu trong năm	251.171.000	đồng
Tổng chi trong năm	243.132.591	đồng
Số dư chuyển năm sau	12.582.468	đồng

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng;
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng;
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Tổng quyết toán chi từ nguồn NSNN 4.574.505.473đ/ 4.908.059.300đ dự toán được sử dụng trong năm 2024 đạt 93% so với số giao trong năm, kinh phí huỷ tại KBNN 333.553.827đ

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét chung

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng thời gian quy định.
- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập và gửi báo cáo lên đơn vị dự toán cấp trên theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.
- Về sổ kế toán: Đơn vị mở sổ kế toán theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại đơn vị theo đúng quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.
- Về chứng từ kế toán : Đơn vị đóng chứng từ theo tháng.
- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:
 - + Lập dự toán: Đơn vị lập và phân bổ dự toán theo đúng Quyết định của Phòng GDĐT giao.
 - + Đơn vị thực hiện việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo quy định hiện hành; cuối năm đơn vị đã thực hiện kiểm kê đối chiếu sổ sách theo đúng quy định.
 - + Chế độ thu, và quản lý sử dụng nguồn thu: Thực hiện thu các khoản thu theo kế hoạch đã xây dựng; các khoản thu, chi thực hiện qua ngân hàng không sử dụng tiền mặt; chi các khoản đúng theo quy định.

2. Nhận xét một số tồn tại :

*** Nguồn tự chủ ngân sách nhà nước**

- Một số hồ sơ chứng từ tổ chức hoạt động ngoại khoá thiếu kế hoạch tổ chức, thiếu cấp phát về bộ phận sử dụng
- Chứng từ sửa chữa thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng
- Hầu hết chứng từ ghi thiếu ngày tháng nhiều.
- Một số chứng từ chuyển tiền điện thiếu hoá đơn đỏ.
- Chứng từ mua phân: nhân viên VS không được nhận bàn giao; biên bản bàn giao bảo quản tên bên trên, bên dưới không khớp nhau.
- Chứng từ mua dụng cụ vệ sinh Thiếu văn bản đề nghị
- Chứng từ thanh toán khẩu hiệu: Thiếu văn bản đề nghị; dự trù, đề nghị thanh toán, quyết định, người nhận có mỗi HT ký nhận.

*** Nguồn quỹ ngoài NSNN**

- Không có sổ sách; Thiếu hồ sơ chuyển lương bán trú T2, T9; Chuyển lương bán trú T1,2,3,3,5,10,11: thiếu uỷ nhiệm chi, bảng lương, đề nghị thanh toán; Chuyển tiền điện Tháng 6 không có uỷ nhiệm chi.

3. Kiến nghị:

- Căn cứ các tồn tại nêu trên đề nghị đơn vị hoàn thiện đủ hồ sơ chứng từ theo quy định.
- Đề nghị đơn vị tiếp tục cập nhật, nghiên cứu các chế độ chính sách, Thông tư, Nghị định mới để ngày càng hoàn thiện tốt hơn công tác quản lý thu chi của đơn vị mình.
- Sau khi có thông báo phê duyệt quyết toán đề nghị đơn vị thực hiện các bút toán kết chuyển theo đúng nội dung được phê duyệt.

- Đơn vị được chuyển số dư NSNN sang năm 2025 : 0 đồng
- Đơn vị được chuyển số dư các quỹ khác theo thỏa thuận sang năm 2025 : 12.582.468 đồng

Nơi nhận:

- Đơn vị được XD/TĐ quyết toán;
- Phòng TCKH Thành phố;
- Lưu: VT, kế toán.

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG**



Trần Nam Hải

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Kim Đồng

Mã DVQHNS: 1093322

Mã cấp NS: 3

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 11/02/2025 07:53:29
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Ungng Bi - Quảng
Ninh
Mô đun: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	072	6051	00000	0	0	54 000 000	54 000 000	54 000 000	54 000 000
Phụ cấp khác	12	072	6149	00000	0	0	148 212.973	148 212.973	148 212.973	148 212.973
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	18 600 000	18 600 000	18 600 000	18 600 000
Bảo hiểm xã hội	12	072	6301	00000	0	0	8 400 000	8 400 000	8 400 000	8 400 000
Bảo hiểm y tế	12	072	6302	00000	0	0	1 440 000	1 440 000	1 440 000	1 440 000
Kinh phí công đoàn	12	072	6303	00000	0	0	960 000	960 000	960 000	960 000
Bảo hiểm thất nghiệp	12	072	6304	00000	0	0	480 000	480 000	480 000	480 000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	072	6552	00000	0	0	19 503.200	19 503 200	19 503 200	19 503 200
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	12	072	6608	00000	0	0	3 600 000	3 600 000	3 600 000	3 600 000
Chi các khoản khác	12	072	7799	00000	0	0	30 000 000	30 000 000	30 000 000	30 000 000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	1.542.963.475	1.542.963.475	1.542.963.475	1.542.963.475
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	39.744.000	39.744 000	39.744 000	39.744 000
Phụ cấp khu vực	13	072	6102	00000	0	0	137.970 000	137.970 000	137.970 000	137.970 000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	4 968 000	4 968 000	4 968 000	4 968 000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	747.838 800	747.838 800	747.838 800	747.838 800

Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	0	5.688.000	5.688.000	5.688.000	5.688.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	0	204.355.828	204.355.828	204.355.828	204.355.828
Thưởng thường xuyên	13	072	6201	00000	0	0	0	9.230.000	9.230.000	9.230.000	9.230.000
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị	13	072	6254	00000	0	0	0	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	0	6.700.000	6.700.000	6.700.000	6.700.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	0	315.179.453	315.179.453	315.179.453	315.179.453
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	0	54.030.770	54.030.770	54.030.770	54.030.770
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	0	36.020.510	36.020.510	36.020.510	36.020.510
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	0	18.010.255	18.010.255	18.010.255	18.010.255
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	072	6404	00000	0	0	0	180.911.227	180.911.227	180.911.227	180.911.227
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	0	5.922.000	5.922.000	5.922.000	5.922.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	0	29.865.482	29.865.482	29.865.482	29.865.482
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	0	34.302.000	34.302.000	34.302.000	34.302.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	0	3.112.000	3.112.000	3.112.000	3.112.000
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	0	21.455.000	21.455.000	21.455.000	21.455.000
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	0	2.980.000	2.980.000	2.980.000	2.980.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	0	7.348.100	7.348.100	7.348.100	7.348.100
Chi phí khác	13	072	6699	00000	0	0	0	6.795.000	6.795.000	6.795.000	6.795.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	0	1.360.000	1.360.000	1.360.000	1.360.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	0	800.000	800.000	800.000	800.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	0	5.050.000	5.050.000	5.050.000	5.050.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	0	8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000
Thuế lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	0	126.000.000	126.000.000	126.000.000	126.000.000
Nhà cửa	13	072	6907	00000	0	0	0	42.421.320	42.421.320	42.421.320	42.421.320
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	0	28.391.000	28.391.000	28.391.000	28.391.000

Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000		0		0	20.160.000	20.160.000	20.160.000	20.160.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000		0		0	8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000
Chi khác	13	072	7049	00000		0		0	346.109.000	346.109.000	346.109.000	346.109.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	072	7053	00000		0		0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	072	7756	00000		0		0	2.508.000	2.508.000	2.508.000	2.508.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000		0		0	172.100.080	172.100.080	172.100.080	172.100.080
Thương xuyên	18	072	6201	00000		0		0	83.400.000	83.400.000	83.400.000	83.400.000
Thương đột xuất	18	072	6202	00000		0		0	7.020.000	7.020.000	7.020.000	7.020.000
				Cộng:		0		0	4.574.505.473	4.574.505.473	4.574.505.473	4.574.505.473
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 11 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thanh Hiền

Người ký: Đinh Tiến Quân

Ngày ký: 11/02/2025 07:35:29

Chức danh: Trưởng phòng Kế toán

Đơn vị: KBNN Lương Bô - Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Lương Thị Định

Người ký: Dương Thị Hồng Luyến

Ngày ký: 10/02/2025 20:15:01

Chức danh: Trưởng Ban Kế toán Phòng

Dương Thị Hồng Luyến



Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 10/02/2025 14:40:10
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Ung Bì - Quảng
Ninh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 Năm 2025

Tên đơn vị: Trường tiểu học Kim Đồng

Mã ĐVQHNS: 1093322

Địa chỉ: Thượng Yên Công- Ung Bì- Quảng Ninh

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3713.0.1093322.00000			
Số dư đầu kỳ	16.452.051			
Phát sinh tăng trong kỳ	653.670			
Phát sinh giảm trong kỳ	9.210.000			
Số dư cuối kỳ	7.895.721			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Hiền

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 10/02/2025 14:40:10
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Ung Bì - Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lương Thị Định
Ngày ký: 10/02/2025 11:49:09
Đơn vị: Trường tiểu học Kim Đồng

Lương Thị Định

Người ký: Dương Thị Hồng Luyến
Ngày ký: 10/02/2025 13:23:46
Đơn vị: Trường tiểu học Kim Đồng

Dương Thị Hồng Luyến